TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST
Ngày 14-9-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Nhật H- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 28/TB-TA ngày 06/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng C; địa chỉ trụ sở: Đường N, , Phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh N; nơi cư trú: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng (là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C Giấy ủy quyền số 1328/UQ- QLN.21 ngày 17/8 /2021); có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Hữu T và bà Hoàng Thu H; cùng nơi cư trú: Đường Đ, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; (đều vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Chị Phạm Hoàng H và anh Phạm Hoàng Đ; cùng nơi cư trú: nơi cư trú: Đường Đ, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng C) *trình bày:*

Ngày 31/10/2018, Ngân hàng C đã ký kết Hợp đồng cấp tín dụng (viết tắt là HĐTD) số SHP.CN.2105.301018 ngày 31/10/2018; kế ước nhận nợ số 01 TKV; 271788719 ngày 01/11/2018 với ông Phạm Hữu T và bà Hoàng Thu H; Thời hạn vay: 72 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu; lãi suất vay trong hạn: Lãi suất: 9,5%/năm; Lãi suất được cố định trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất = LS13 + 3,9%/năm + X; số tiền vay: 600.000.000 đồng; mục đích: Vay tiêu dùng có tài sản bảo đảm - Sửa chữa nhỏ (không làm thay đổi kết cấu) và mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình.

Tiếp đến, ngày 05/11/2018, Ngân hàng C đã cấp cho bà Hoàng Thu H Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 9704 1631 0060 6769 ngày cấp 09/11/2018; hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng C , đã giải ngân cho ông Trường và bà Htheo đúng thỏa thuận tại các HĐTD đã ký kết.

Để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng C. Ông Trường, bà Hiền đã thế chấp tài sản sau là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B-13: BK:115 Ga, diện tích 30 m^2; tại địa chỉ: Đường Đ, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (viết tắt là GCN) số 12502 do Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng cấp ngày 16/9/2008 cấp cho ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H, chị Phạm Hoàng H và anh Phạm Hoàng Đ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (viết tắt là HĐTC) số SHP.BĐCN.350.301018 được công chứng tại Phòng công chứng số 3, thành phố Hải Phòng ngày 31/10/2018, số công chứng 2355A/18.BĐ/912A.PT.Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số SHP.BĐCN.350.301018/SĐBS 01 tại Phòng công chứng số 3, thành phố Hải Phòng ngày 31/10/2018, số công chứng 2355B/18.BĐ/912B.PT.

Quá trình thực hiện hợp đồng cho đến nay ông T, bà H đã trả cho Ngân hàng C tổng số tiền 214.629.656 đồng (hai trăm mười bốn triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, sau trăm năm mươi sáu) đồng.

Từ ngày 30/5/2019, ông T, bà H đã vi phạm nghĩa vụ đối với Ngân hàng C đã chuyển khoản nợ thẻ của sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ.

Ngân hàng C , đã nhiều lần đôn đốc ông Phạm Hữu T và bà Hoàng Thu H thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng C . Tuy nhiên ông T, bà H vẫn không thực hiện như cam kết. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng C , nên Ngân hàng C có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án:

1. Buộc ông Phạm Hữu T và bà Hoàng Thu H phải trả cho Ngân hàng C , tạm tính đến ngày 14/9/2021 với tổng số tiền 756.959.065 đồng; trong đó; Nợ gốc 518.336.000 đồng; nợ lãi trong hạn 37.447.421 đồng; nợ lãi quá hạn 148.337.586 đồng; phạt chậm trả lãi 7.562.489 đồng; cụ thể: HĐTD số SHP.CN.2105.301018 ngày 31/10/2018; nợ gốc 518.336.000 đồng; nợ lãi trong hạn 37.447.421 đồng; nợ lãi quá hạn 148.337.586 đồng; phạt chậm trả lãi 7.562.489 đồng; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 9704 1631 0060 6769 ngày cấp 09/11/2018; nợ gốc 0 đồng; nợ lãi 0 đồng; nợ lãi quá hạn 45.235.569 đồng.

2. Ông Phạm Hữu T và bà Hoàng Thu H còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại HĐTD và khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng C , tính kể từ ngày 15/9/2021 đến ngày trả hết nợ.

3. Trường hợp ông Phạm Hữu T và bà Hoàng Thu H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ Ngân hàng C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm như sau để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B-13: BK:115 Ga, diện tích 30 m^2; tại địa chỉ: Đường Đ, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng cấp cho ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H, chị Phạm Hoàng H, anh Phạm Hoàng Đ.

* *Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2021 bị đơn ông Phạm Hữu T xác nhận*: Ông và bà H là vợ chồng. Tuy nhiên, hiện nay bà H đang đi làm ăn ở xa nên ông cũng không thể gặp bà H để trao đổi được nội dung vụ việc được, ông xác nhận đã được nhận thông báo thụ lý của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Ông T, khẳng định: Ngày 31/10/2018, ông T và bà H đã ký kết với Ngân hàng C để vay Ngân hàng C theo HĐTD số SHP.CN.2105.301018 ngày 31/10/2018; hợp đồng sửa đổi, bổ sung: Số SHP.BBĐCN.350.301018/SĐBS 01 ngày 31/10/2018; kế ước nhận nợ số 01 TKV; 271788719 ngày 01/11/2018; số tiền giải ngân: 600.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Tiêu dùng có tài sản bảo đảm -

Sửa chữa nhỏ (không làm thay đổi kết cấu) và mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình.

Đến ngày 05/11/2018, Ngân hàng C đã cấp tiếp cho bà Hoàng Thu H Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 9704 1631 0060 6769 ngày cấp 09/11/2018; hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng C đã giải ngân đầy đủ cho bà Hoàng Thu H. Việc ông và bà H vay tiền của Ngân hàng C sử dụng mục đích chung chi tiêu cho gia đình là đúng.

Để bảo đảm cho khoản vay trên ông T, bà H đã ký HĐTC tài sản sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B-13: BK:115 Ga, diện tích 30 m^2; tại địa chỉ: Đường Đ, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng theo GCN số 12502 do Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng cấp ngày 16/9/2008 cho ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H, chị Phạm Hoàng H và anh Phạm Hoàng Đ theo: HĐTC số SHP.BĐCN.350.301018 được công chứng tại Phòng công chứng số 3, thành phố Hải Phòng ngày 31/10/2018, số công chứng 2355A/18.BĐ/912A.PT; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số SHP.BĐCN.350.301018/SĐBS 01 tại Phòng công chứng số 3, thành phố Hải Phòng ngày 31/10/2018, số công chứng 2355B/18.BĐ/912B.PT. Thời điểm ký HĐTC ông Trường và bà Hhoàn toàn minh mẫn và tự nguyện.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà H đã trả được cho Ngân hàng C với tổng số tiền là 214.629.656 đồng. Từ tháng 5 năm 2019 đến nay ông T, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng C .

Đến nay, Ngân hàng C khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền quan điểm của ông Trường như sau: Ông xác nhận còn nợ Ngân hàng C như đơn khởi kiện của Ngân hàng C là đúng. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid 19 làm ăn khó khăn, hơn nữa hiện tại ông hay ốm đau, bệnh tật và rất khó khăn, nên đã vi phạm nghĩa vụ với Ngân hàng C . Vì vậy, ông Trường đề nghị với Ngân hàng C được trả gốc số tiền là 518.336.000 đồng; và xin được miễn toàn bộ lãi. Về phương thức thanh toán ngày 30/5/2021, ông Trường và bà H sẽ thanh toán cho Ngân hàng C 300.000.000 đồng; đến ngày 30/12/2021: Ông Trường sẽ tất toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng C . Trong trường hợp Ngân hàng C không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn bà Hoàng Thu H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Hoàng H và anh Phạm Hoàng Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Huyền, chị Hà, anh Đức vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không tiến hành được việc lấy lời khai của bà Huyền, chị Hà, anh Đức.

Ngày 25/3/2021, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm, thể hiện hiện trạng tài sản bảo đảm tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B-13: BK:115 Ga; diện tích 30 m^2; tại địa chỉ: Đường Đ, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng theo GCN số 12502 do Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng ngày 16/9/2008, trên đất là căn nhà 03 tầng diện tích xây dựng diện tích 30 m^2 diện tích sử dụng 75,06 m^2 cấp cho ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H, chị Phạm Hoàng H và anh Phạm Hoàng Đ vẫn do ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H, chị Phạm Hoàng H và anh Phạm Hoàng Đ quản lý sử dụng, không sang tên chuyển nhượng cho ai, không cơi nới, sửa chữa thay đổi gì so với thời điểm thế chấp tài sản.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

1. Buộc ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 14/9/2021 theo các HĐTD với số tiền là 756.959.065 đồng; trong đó; Nợ gốc 518.336.000 đồng; lãi trong hạn 37.447.421 đồng; lãi quá hạn 148.337.586 đồng; phạt chậm trả lãi 7.562.489 đồng; cụ thể: HĐTD số SHP.CN.2105. 301018 ngày 31/10/2018; nợ gốc 518.336.000 đồng; nợ lãi trong hạn 37.447.421 đồng; nợ lãi quá hạn 148.337.586 đồng; phạt chậm trả lãi 7.562.489 đồng; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 9704 1631 0060 6769 ngày cấp 09/11/2018; nợ gốc 0 đồng; nợ lãi 0 đồng; nợ lãi quá hạn 45.235.569 đồng.

2. Ông Phạm Hữu T và bà Hoàng Thu H còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng cấp tín dụng và khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng C , tính kể từ ngày 15/9/2021 đến ngày trả hết nợ.

3. Trường hợp ông Phạm Hữu T và bà Hoàng Thu H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ Ngân hàng C yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm như sau để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B-13: BK:115 Ga, diện tích 30 m^2; tại địa chỉ: Đường Đ, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng theo GCN số 12502 do Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng cấp ngày 16/9/2008 cấp cho ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H, chị Phạm Hoàng H, anh Phạm Hoàng Đ;

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn ông Phạm Hữu T vắng mặt Tòa án đã công bố lời khai của ông Trường thể hiện quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn bà Hoàng Thu H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Hoàng H và anh Phạm

Hoàng Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ thứ hai Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXX-DS ngày 21/7/2021; thông báo thay đổi thời gian xét xử số 28/TB-TA ngày 06/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021 nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông T, bà H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 14/9/2021 theo các HĐTD với số tiền là 756.959.065 đồng; trong đó; nợ gốc 518.336.000 đồng; nợ lãi trong hạn 37.447.421 đồng; nợ lãi quá hạn 148.337.586 đồng; phạt chậm trả lãi 7.562.489 đồng; cụ thể: HĐTD số SHP.CN.2105. 301018 ngày 31/10/2018; nợ gốc 518.336.000 đồng; nợ lãi trong hạn 37.447.421 đồng; nợ lãi quá hạn 148.337.586 đồng; phạt chậm trả lãi 7.562.489 đồng; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 9704 1631 0060 6769 ngày cấp 09/11/2018; nợ gốc 0 đồng; nợ lãi 0 đồng; nợ lãi quá hạn 45.235.569 đồng; Ông Phạm Hữu T và bà Hoàng Thu H còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại HĐTD và khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng C , tính kể từ ngày 15/9/2021 đến ngày trả hết nợ. Trường hợp ông Phạm Hữu T và bà Hoàng Thu H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ Ngân hàng C yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B-13: BK:115 Ga, diện tích 30 m^2; tại địa chỉ: Số 5/5 (cũ 3P4) đường Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo GCN số 12502 do Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng ngày 16/9/2008 cấp cho ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H, chị Phạm Hoàng H, anh

Phạm Hoàng Đ; về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp tố tụng dân sự:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng C có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh giữa Ngân hàng C là Tổ chức có đăng ký kinh doanh và bị đơn là cá nhân ông T, bà H, mục đích vay tiêu dùng và mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình. Hội đồng xét xử xác định quan hệ là tranh chấp dân sự hợp đồng tín dụng. Bị đơn cư trú thuộc địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định của khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông T, bà H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà, anh Đức vắng mặt không có lý do, không có căn cứ bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

[3] HĐTD số SHP.CN.2105. 301018 ngày 31/10/2018; được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ các quy định của pháp luật theo Điều 116, Điều 117, Điều 119 của Bộ luật Dân sự; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[4] Đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 9704 1631 0060 6769 ngày cấp 09/11/2018 cấp cho bà Hoàng Thu H. Mặc dù thời điểm ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với Ngân hàng C chỉ có bà H ký kết, Hội đồng xét xử xét: Tại khoản 1 Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình "*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện.....*". Mặt khác, ông Trường cũng khẳng định "vay tiêu dùng và mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình" phù hợp với khoản 2 Điều

37 của Luật Hôn nhân và gia đình "*Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*". Nên ông Trường phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà H trả nợ cho Ngân hàng C đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 9704 1631 0060 6769 ngày cấp 09/11/2018.

+ Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc:

[5] Quá trình thực hiện các HĐTD, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký như cam kết; bị đơn đã nhận đủ số tiền, nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Do đó, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với Điều 3 của HĐTD các bên đã ký kết và quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng sao kê chi tiết nợ gốc theo lịch trình đã trả theo hợp đồng tín dụng đã ký của bị đơn, được tính từ thời điểm giải ngân đến ngày xét xử 14/9/2021. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn, căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tổng số tiền nợ gốc của HĐTD số SHP.CN.2105. 301018 ngày 31/10/2018 nợ gốc là 518.336.000 đồng.

+ Xét yêu cầu trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn:

[6] Việc các bên thỏa thuận mức lãi suất vay tại các HĐTD là phù hợp với quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo các bên cam kết trong hợp đồng, phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng C trong từng thời kỳ. Dư nợ gốc tính lãi phù với tập sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay, xác định: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/9/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền nợ lãi trong hạn 37.447.421 đồng; lãi quá hạn là: 193.613.155 đồng. Xét, cần chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn, của nguyên đơn đối với bị đơn theo khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

+ Xét đối với tiền phạt chậm trả lãi:

[7] Đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 7.562.489 đồng. Đối chiếu bảng tính lãi, sao kê. Xét yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự và tại Điều 4 mục 4.2 thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng là phù hợp với quy định của pháp

luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đối khoản tiền phạt chậm trả lãi của nguyên đơn.

+ Xét yêu cầu của bị đơn ông Phạm Hữu T về việc đề nghị miễn toàn bộ lãi và phương thức trả nợ:

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Hữu T đề nghị Ngân hàng C được trả số tiền nợ gốc 518.336.000 đồng và xin miễn toàn bộ lãi quá hạn, lãi trong hạn, phạt chậm trả lãi và đề nghị phương án thanh toán nợ cho Ngân hàng C . Đề nghị của ông Phạm Hữu T không được Ngân hàng C đồng ý. Hội đồng xét xử xét, đề nghị của ông Phạm Hữu T không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

+ Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm và tính hợp pháp của hợp đồng chế chấp tài sản:

[9] HĐTC số SHP.BĐCN.350.301018 được công chứng tại Phòng công chứng số 3, thành phố Hải Phòng ngày 31/10/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số SHP. BĐCN.350.301018/SĐBS 01 ngày 31/10/2018; Hợp đồng ủy quyền số 1183/HĐUQ/2018 ngày 29/10/2018; được ký giữa các chủ thể là đại diện của Ngân hàng C , ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H và Hợp đồng ủy quyền số 1531.2018/HĐUQ ngày 29/10/2018 của chị Phạm Hoàng H và anh Phạm Hoàng Đ. Như vậy, việc ký kết Hợp đồng thế chấp được ký giữa các chủ thể có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện; mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Về hình thức, HĐTC được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất đai sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng - Chi nhánh quận Ngô Quyền là phù hợp với quy định tại các điều 317, 318, 319, 322 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 130 của Luật Đất đai năm 2003 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, HĐTC trên là hợp pháp, phát sinh hiệu lực đối với các bên. Mặt khác, ngày 25/3/2021, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm, thể hiện hiện trạng tài sản bảo đảm trên vẫn do ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H, chị Phạm Hoàng H và anh Phạm Hoàng Đ quản lý sử dụng, không sang tên chuyển nhượng cho ai, không cơi nới, sửa chữa thay đổi gì so với thời điểm thế chấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ để bảo đảm nghĩa vụ của các Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.2105. 301018 ngày 31/10/2018; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 9704 1631 0060 6769 ngày cấp 09/11/2018.

[10] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H phải trả cho Ngân hàng C theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

+ Về án phí:

[11] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 34.276.762 đồng. Trả lại cho Ngân hàng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.000.000 đồng, theo biên lai số 0006908 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

[12] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 116, Điều 117, Điều 119, 317, 318, 319, 322, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các điều 90; 91; 94; 95 và 98 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 1 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 6, Điều 11, Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; căn cứ khoản 1 Điều 7, Điều 12, Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 2 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C:

1.1. Buộc ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 14/9/2021 theo các Hợp đồng tín dụng với số tiền là 756.959.065 (bảy trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi lăm) đồng; trong đó; nợ gốc 518.336.000 đồng; nợ lãi trong hạn 37.447.421 đồng; nợ lãi quá hạn 148.337.586 đồng; phạt chậm trả lãi 7.562.489 đồng; cụ thể:

- Hợp đồng cấp tín dụng số SHP.CN.2105. 301018 ngày 31/10/2018; nợ gốc 518.336.000 đồng; nợ lãi trong hạn 37.447.421 đồng; nợ lãi quá hạn 148.337.586 đồng; phạt chậm trả lãi 7.562.489 đồng

- Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 9704 1631 0060 6769 ngày cấp 09/11/2018; nợ gốc 0 đồng; nợ lãi 0 đồng; nợ lãi quá hạn 45.235.569 đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/9/2021, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Trường hợp ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H không trả nợ được cho Ngân hàng C thì Ngân hàng C yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B-13: BK:115 Ga, diện tích 30 m^2 trên đất là căn nhà 03 tầng diện; diện tích sử dụng 75,06 m^2; tại địa chỉ: đường Đ, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12502 do Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng cấp ngày 16/9/2008 và Giấy phép số 78/GPXD do Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 11/4/2012 cấp cho ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H, chị Phạm Hoàng H và anh Phạm Hoàng Đ và theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số SHP.BĐCN.350.301018 được công chứng tại Phòng công chứng số 3, thành phố Hải Phòng ngày 31/10/2018, số công chứng 2355A/18.BĐ/912A.PT.Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số SHP.BĐCN.350.301018/SĐBS 01 tại Phòng Công chứng số 3, thành phố Hải Phòng ngày 31/10/2018, số công chứng 2355B/18.BĐ/912B.PT và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/3/2021, để bảo đảm nghĩa vụ cho HĐTD số SHP.CN.2105. 301018 ngày 31/10/2018; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 9704 1631 0060 6769 ngày cấp 09/11/2018.

2. Về án phí: Ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là [20.000.000 đồng + (4% x 356.959.065 đồng)] = 34.278.363 (ba mươi tư triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm sáu mươi ba) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu) đồng theo biên lai số 0006908 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Ngân hàng C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Phạm Hữu T, bà Hoàng Thu H, chị Phạm Hoàng H và anh Phạm Hoàng Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Bích Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng